

Đọc lời nói (Đọc miệng)

Carol De Filippo

Viện Giáo Dục Giáo Viên Việt Nam Tháng Sáu 2010

Các chủ đề

- ▶ Trình diễn
- ▶ Thuật ngữ
- ▶ Các yếu tố của bối cảnh giao thiệp (một cái mẫu)
- ▶ Yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công
 - ▶ Các hạn chế bối cảnh
- ▶ Các phương pháp để nâng cao sự thành công
- ▶ Tầm quan trọng của việc nghe cùng với đọc miệng
- ▶ Kiểm tra ngắn về những điều đúng/sai của đọc lời nói
- ▶ Lời nói tín hiệu (CS)
- ▶ Kiểm tra ngắn về những điều đúng/sai của CS



Thi hành đọc miệng

- ▶ Thử lần đầu



Thi hành đọc miệng

- ▶ Thử lần thứ hai – Với bối cảnh



Thi hành đọc miệng

1. **Cậu bé ném quả bóng qua hàng rào.**





Thi hành đọc miệng

2. **Người đưa thư đã mang** một **lá thư** đến **nhà tôi**.

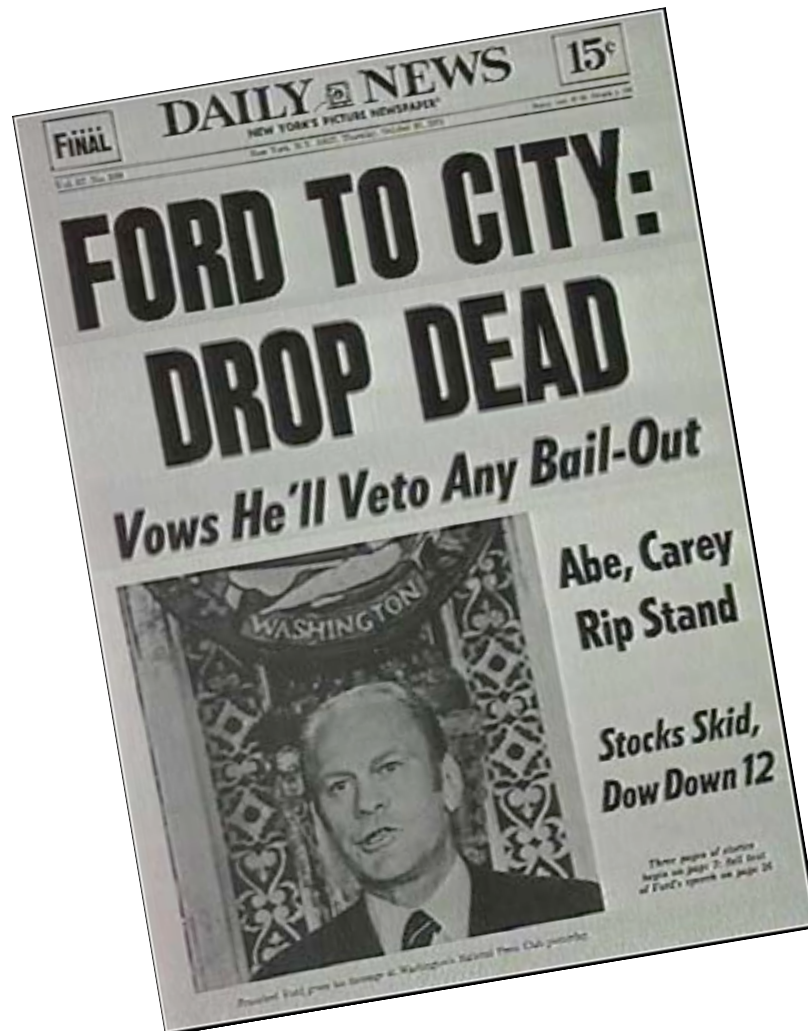




Thi hành đọc miệng

3. **Sự kiểm tra** đã làm **y tá của trường ngạc nhiên.**





Thi hành đọc miệng

4. **Tờ báo đã kích thích những lời chỉ trích táo bạo.**



Thuật ngữ

► **Đọc miệng** nghĩa là:

Nhận ra lời nói, **chỉ bằng các tín hiệu thị giác từ mặt** (chủ yếu là miệng, môi, răng, và lưỡi).



► **Đọc lời nói** nghĩa là :

Nhận ra lời nói bằng cách sử dụng **các tín hiệu thính giác và thị giác, và tất cả các tín hiệu trong bối cảnh** (bao gồm các tín hiệu xung quanh).



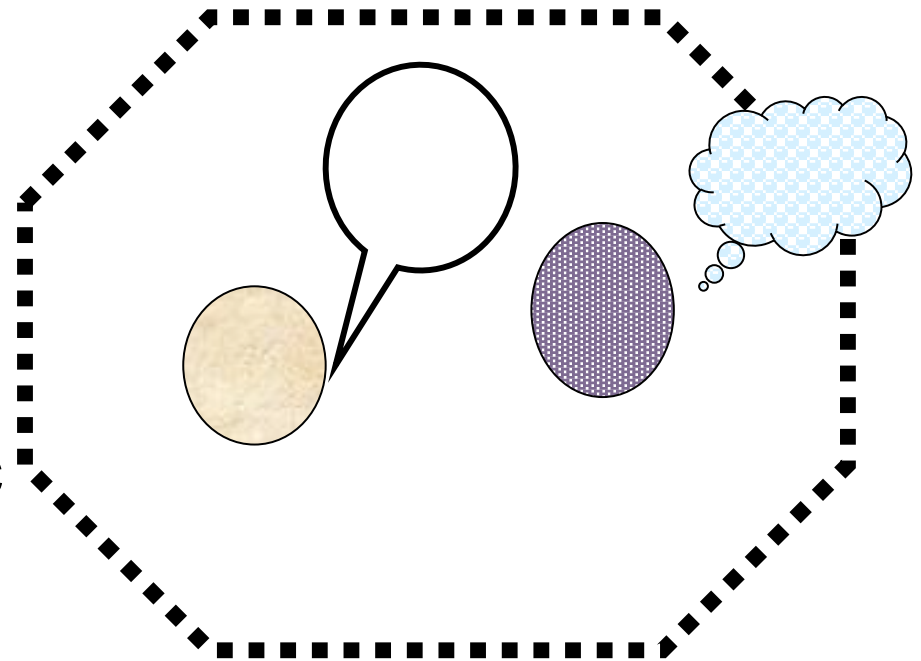
Các yếu tố của bối cảnh giao thiệp

Hoàn cảnh

Người nói

Tin nhắn

Người nghe/người đọc
lời nói



Yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công

▶ Hoàn cảnh

- ▶ Tiếng ồn
- ▶ Sự liên quan đến tin nhắn

▶ Người nói

- ▶ Phát âm, giọng
- ▶ Mức độ giọng nói
- ▶ Sự biểu hiện trên mặt và của giọng nói
- ▶ Linh hoạt (khả năng đáp ứng nhu cầu của người đọc miệng)

▶ Tin nhắn

- ▶ Trình độ ngôn ngữ
- ▶ Sự quen thuộc với chủ đề
- ▶ Mức phức tạp của ngữ pháp
- ▶ Bối cảnh



▶ Những hạn chế bối cảnh

▶ Phát âm

▶ Ví dụ: **p** + [?] + **t**

▶ Ngữ nghĩa

▶ Ví dụ: Cá thờ thông qua _____ của chúng . [**mang** , **khủy tay**]
Tôi nghe nói về _____ . [**???**]

▶ Cú pháp

▶ Ví dụ: Mặt kiếng trải như vải mỏng dưới biển nhon.
~~Anh ta chạy màu xanh.~~

▶ Đề tài

▶ Ví dụ: Tại một trận bóng đá - "Cầu thủ đó đã bị việt vị!"
~~"Cầu thủ đó đã đón hực cú giao bóng!"~~

▶ Thực dụng

▶ Ví dụ: Trẻ em nói với mẹ - "Mẹ ơi, con có thể lấy \$5 được không?"
Học sinh nói với giáo viên - "Cô/thầy xấu xí quá!"



Phương pháp Cloze

- ▶ Hôm nay, chúng ta có khách _____ Việt Nam và _____. Các người khách này là giáo viên. _____ muốn giúp _____ điếc. Họ sẽ ở lại _____ một tháng. Họ _____ học được rất nhiều tài liệu _____.



Phương pháp Cloze

- ▶ Hôm nay, chúng ta có khách **đến từ** Việt Nam và **Philippines**. Các người khách này là giáo viên. **Họ** muốn giúp đỡ **người** điếc. Họ sẽ ở lại **Rochester** một tháng. Họ **đang** học được rất nhiều tài liệu **mới**.



▶ **Người nghe/người đọc lời nói**

- ▶ Trí thức thế giới
- ▶ Trí thức ngôn ngữ và từ vựng
- ▶ Sức nhìn
- ▶ Sự chú ý
- ▶ Kinh nghiệm đọc miệng
- ▶ Khả năng đưa ra lời phê bình tốt
- ▶ Các phương pháp đoán, tâm thần nhanh nhẹn
- ▶ Tính linh hoạt (khả năng sửa đổi)



Cải thiện hoàn cảnh

- ▶ Đứng ở chỗ mà tất cả học sinh nhìn thấy rõ ràng (khoảng 6 feet là tốt nhất)
 - ▶ Sắp xếp ghế thành nửa vòng tròn xung quanh bạn
- ▶ Đi xa cửa sổ để ánh sáng rọi vào khuôn mặt của bạn
 - ▶ Đừng đứng nơi mà mặt của bạn bị bóng tối che lại
- ▶ Đứng ở chỗ mà ánh sáng không chói mắt của học sinh
- ▶ Giảm tiếng ồn trong phòng
 - ▶ Học sinh không nói chuyện hoặc chen lấn
 - ▶ Đóng cửa phòng lại
 - ▶ Tắt máy chiếu nào có cái quạt ồn ào
- ▶ Sử dụng một thiết bị trợ thính (máy phát FM)



Đưa ra một tín hiệu rõ ràng

- ▶ Sử dụng biểu hiện nét mặt và cử chỉ thích hợp
- ▶ Phát âm rõ ràng
 - ▶ Tốc độ chậm hơn một chút
 - ▶ Không có sự phát âm phóng đại
 - ▶ Tạm dừng giữa nhóm từ và câu (để tránh mệt mỏi)
- ▶ Giữ đầu của bạn thẳng
- ▶ Cung cấp sự nhìn thấy toàn diện để có một góc nhìn rõ
- ▶ Giữ tóc của bạn đừng phủ lên mặt
- ▶ Giữ bàn tay, bút chì xa mặt và miệng của bạn
- ▶ Kiểm tra học sinh
 - ▶ Học sinh có đeo thiết bị trợ thính, mô cấy ốc tai, và/hoặc hệ thống FM của họ không??
 - ▶ Có đeo kính mắt không, nếu cần thiết?



Cải thiện tin nhắn

- ▶ Thông báo chủ đề trước
 - ▶ Ví dụ: Viết một "tiêu đề" trên bảng

Viết các từ quan trọng
- ▶ Đưa ra bối cảnh
 - ▶ Ví dụ: Đối với "Bầu cử," cho thấy một bức ảnh của phòng bỏ phiếu trên báo chí
- ▶ Chia các câu dài ra
 - ▶ Ví dụ: Orville và Wilbur Wright đã có một doanh nghiệp làm xe đạp ở Ohio và họ yêu thích thử nghiệm với các máy bay, nên họ đã làm ra Wright Flyer vào năm 1903.
Orville và Wilbur Wright đã có một doanh nghiệp làm xe đạp ở Ohio.
Họ yêu thích thử nghiệm với các máy bay.
Vào năm 1903, họ đã làm ra Wright Flyer.



-
- ▶ Đơn giản hóa cú pháp (ngữ pháp)
 - ▶ Ví dụ: Bông cải xanh, mà người ta thường bỏ thừa, rất bổ dưỡng.
Thông thường, người ta không ăn bông cải xanh. Tuy nhiên, bông cải xanh rất bổ dưỡng.
 - ▶ Cho phép ngữ pháp cung cấp các tín hiệu theo bối cảnh
 - ▶ Ví dụ: Con chó đã bị đuổi bởi con mèo.
Con mèo đã đuổi con chó.
 - ▶ Sử dụng từ ngữ quen thuộc với cấp lớp của bạn
 - ▶ Ví dụ: Kẻ lừa đảo so với Một người cố gắng đánh lừa bạn.
 - ▶ Chọn từ mà có khả năng hiển thị cao
 - ▶ Ví dụ: Phụ huynh so với mẹ và cha
-



Tăng cường kỹ năng của người đọc lời nói

▶ **Cải thiện kỹ năng của học sinh** trong các phạm vi này:

- ▶ Trí thức thế giới
- ▶ Trí thức ngôn ngữ và từ vựng
- ▶ Sức nhìn
- ▶ Sự chú ý
- ▶ Kinh nghiệm đọc miệng
- ▶ Khả năng đưa ra lời phê bình tốt
- ▶ Các phương pháp đoán, tâm thần nhanh nhẹn
- ▶ Tính linh hoạt (khả năng sửa đổi)



Phê bình

▶ Các phương pháp vô hiệu quả

▶ Không để ý đến lời nói

- ▶ Người đọc lời nói có thể quyết định rằng nó không đủ quan trọng để theo đuổi tiếp tục

▶ Giả dối

- ▶ Học sinh có thể gật đầu, cười, và giả vờ như là hiểu

▶ Các phương pháp sửa chữa có hữu ích

▶ Phương pháp không cụ thể

- ▶ “"Cái gì?" "Hả?"
- ▶ “Xin vui lòng lặp lại chậm hơn.”
- ▶ “Xin vui lòng lặp lại rõ ràng hơn.”
- ▶ “Xin vui lòng lặp lại một từ quan trọng, sử dụng cách phát âm tốt nhất của bạn. Sau đó, nói câu đó một lần nữa.”
- ▶ “Xin vui lòng chỉ tôi bạn có ý gì.”

▶ Phương pháp cụ thể

Các phương pháp sửa chữa cụ thể

- ▶ Giáo viên: Cuốn sách lịch sử của em đâu?
- ▶ Child: Cuốn sách **nào** của em đâu??
 - ▶ Yêu cầu một phần cụ thể của tin nhắn
 - ▶ Cho biết phần nào đã được nhận OK
- ▶ Trẻ em 1: Bạn có thể cho tôi đi nhờ đến nơi tập luyện khúc côn cầu ngày mai được không?
- ▶ Trẻ em 2: Tôi không nghe thấy rõ ràng. Bạn đang hỏi về **khúc côn cầu** hả?
 - ▶ Xác nhận chủ đề



Phương pháp Cloze

Hôm nay, chúng ta có khách _____ Việt Nam và _____ . Các người khách này là giáo viên. _____ muốn giúp _____ điếc. Họ sẽ ở lại _____ một tháng. Họ _____ học được rất nhiều tài liệu _____.

Làm thế nào để tạo ra bài tập Cloze

<http://olc.spsd.sk.ca/DE/PD/instr/strats/cloze/index.html>

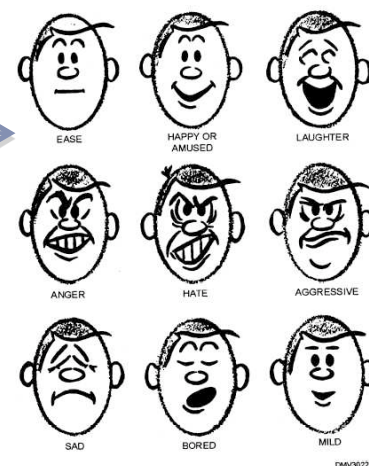


Cộng thêm thính giác

- ▶ Mỗi nguồn (thính giác và thị giác) đều là quan trọng
 - ▶ Có một số dấu hiệu độc đáo trong mỗi nguồn
 - ▶ Có một số dấu hiệu lẫn lên nhau(tài liệu dư thừa)
 - ▶ Đọc lời nói không thì có thể khó khăn
 - ▶ Nghe không thì có thể khó khăn
 - ▶ Kết hợp nghe và đọc miệng làm cho việc giao tiếp dễ dàng hơn
 - ▶ Ít mệt mỏi hơn
 - ▶ Loại bỏ sự mơ hồ
 - ▶ Làm rõ các yếu tố mà có thể nhầm lẫn
 - ▶ Nâng cao sự nhận thức



- ▶ Cho dù chỉ với tín hiệu thính giác tối thiểu, người đọc lời nói có thể trích xuất các mẫu chụm lại
 - ▶ Cung cấp tài liệu về kiểu mẫu của lời nói
 - ▶ Kết cấu âm tiết và các ranh giới từ ngữ
 - ▶ Cú pháp (ví dụ: câu hỏi hoặc câu phát biểu)
 - ▶ Ngữ nghĩa (thông qua các kiểu mẫu nhấn mạnh)
 - ▶ Một số tài liệu về các phân đoạn lời nói cá nhân (cho dù một phụ âm được phát biểu hoặc không phát biểu)
- ▶ Tiếng nói và khuôn mặt thay đổi tin nhắn
 - ▶ Biểu hiện của khuôn mặt (ví dụ, một lông mày đưa cao lên)
 - ▶ Giọng nói (ví dụ, bất ngờ, cảm thông)
 - ▶ Tín hiệu ngôn ngữ (ví dụ, phát âm ngữ điệu cao báo hiệu là một câu hỏi)



- ▶ Đọc lời nói cung cấp tài liệu dựa vào những tài liệu tốt có tần số cao
 - ▶ Địa điểm phát âm khó nghe được
<http://www.uiowa.edu/~acadtech/phonetics/english/frameset.html>
 - ▶ Đọc lời nói lấp vào một số tài liệu về địa điểm.
- ▶ Đọc lời nói cho phép một người tích hợp các tín hiệu nhìn thấy (nơi phát âm) với các tín hiệu nghe thấy (theo cách phát âm)
 - ▶ Người đọc lời nói có một tín hiệu hoàn chỉnh hơn



Đúng hay sai?

1. Đọc miệng quá khó khăn, dù có cố gắng cũng như không.

Sai

2. Đọc miệng không thể dạy được.

Sai

3. Những kỹ năng của người đọc miệng là quan trọng - quan trọng hơn các kỹ năng của các người nói.

Sai

4. Bạn cần có sức nhìn 20/20 để đọc miệng.

Sai

5. "Mẹ" và "bố" là giống nhau thông qua việc đọc lời nói đối với một người bị lãng tai nặng.

Sai

6. "Mẹ" và "bố" là giống nhau thông qua việc đọc lời nói đối với một người bị lãng tai nghe trọng.

Tùy theo cá nhân



Lời nói tín hiệu

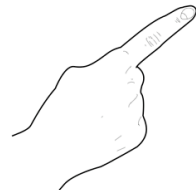
- ▶ CS là một phương thức giao thiệp làm cho các yếu tố lời nói có thể được nhìn thấy
 - ▶ Sự cử động tự nhiên của miệng
 - ▶ Tín hiệu tay
 - ▶ Tín hiệu tay cùng với cử động của miệng làm cho mỗi âm thanh lời nói độc đáo
- ▶ Mỗi ngôn ngữ có một bộ mẫu tay khác nhau
- ▶ CS có hữu ích cho vài sự áp dụng
 - ▶ Có thể được sử dụng từ tuổi thơ ấu
 - ▶ Có thể hữu ích trong bệnh tự kỷ, bại não, khuyết tật phát triển
- ▶ CS đã dẫn đến sự cải thiện kỹ năng lời nói, ngôn ngữ, và trình độ học hành
- ▶ Sự trình diễn
 - ▶ <http://www.cuedspeech.org/>



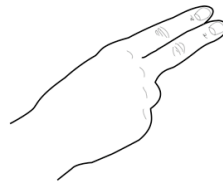
Lời nói tín hiệu Tiếng Anh của nước Mỹ

Các mẫu tay

CUED SPEECH FOR AMERICAN ENGLISH



Handshape 1
/d, p, zh/
deep treasure



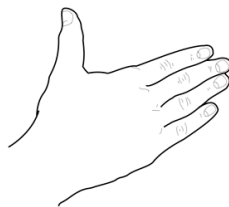
Handshape 2
/TH, k, v, z/
the caves



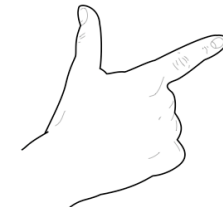
Handshape 3
/s, h, r/
sea horse



Handshape 4
/wh, b, n/
white bone



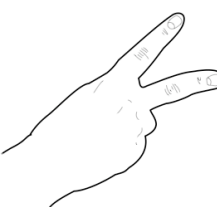
Handshape 5
/m, t, f/ & vowel alone
my taffy



Handshape 6
/w, sh, l/
wet shell



Handshape 7
/th, j, g/
thin jogger



Handshape 8
/y, ng, ch/
young child

Vị trí của tay



Mouth
/ee, ur/
leisure



Chin
/aw, ue, e/
tall blue tent



Throat
/oo, i, a/
Look, big crabs!



Side
consonant alone



move 1" forward
Side Forward
/oe, ah/
boat dock



move 1/2" - 3/4" down
Side Down
/uh/
sun



Chin to 5 Throat
/oi, ay/
moist snails



Side to 5 Throat
/ie, ou/
light house

Lời nói tín hiệu

- ▶ Lời nói tín hiệu đòi hỏi việc sử dụng giọng nói để giao thiệp rõ ràng.
 - ▶ *Sai*
- ▶ CS đã được tạo ra với mục đích cải thiện các kỹ năng lời nói của một người điếc.
 - ▶ *Sai*
- ▶ Các mẫu tay và vị trí tay trong CS đều giống nhau cho tất cả các ngôn ngữ.
 - ▶ *Sai*
- ▶ Bạn không thể dùng tín hiệu với trẻ sơ sinh.
 - ▶ *Sai*



Xem xét lại

- ▶ Thuật ngữ
- ▶ Các yếu tố của bối cảnh giao thiệp (một cái mẫu)
- ▶ Yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công
 - ▶ Các hạn chế bối cảnh
- ▶ Các phương pháp để nâng cao sự thành công
- ▶ Tầm quan trọng của việc nghe cùng với đọc miệng
- ▶ Lời nói tín hiệu (CS)

